TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHONG ĐIỀN** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/2025/QĐST-HNGĐ	*Phong Điền, ngày 20 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 77/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2025, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Lê Thị T, sinh năm 1988; số định danh cá nhân/CCCD: 045188008821; địa chỉ: Thôn Q, xã P, thị xã P, thành phố H.

2. Anh Trần Phước L, sinh năm 1987; số định danh cá nhân/CCCD: 046087009385; địa chỉ: Thôn Q, xã P, thị xã P, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Trần Phước L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là xã P, thị xã P, thành phố H) nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục được. Tại phiên hoà giải đoàn tụ không thành ngày 12/6/2025, chị T, anh L tự nguyện ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị T và anh Trần Phước L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về việc nuôi con chung: Chị Lê Thị T và anh Trần Phước L thỏa thuận giao cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 23/6/2010 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự về việc nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Lê Thị T, anh Trần Phước L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Chị Lê Thị T, anh Trần Phước L tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Trần Phước L.

1.2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 23/6/2010 cho anh Trần Phước L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Chị T có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Lê Thị T, anh Trần Phước L không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Toà án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị T, anh L mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002873 ngày 27/5/2024; số 0002874 ngày 27/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phong Điền. Chị T, anh L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thị xã Phong Điền;
- Chi cục THADS thị xã Phong Điền;
- UBND xã Phong Xuân
(ĐK kết hôn quyển số 01, ngày 16/11/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Anh Nga